

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HC-PT
Ngày 03 - 02 - 2023

V/v khởi kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 180/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2022 về “*Khởi kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2021/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 319/QĐ-PT ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Thế A, (đã chết ngày 17/5/2022);

Địa chỉ: Tổ 16, cụm 3, phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A:

1. Bà Lê Thị A1, sinh năm 1973 (vợ ông A), có mặt.

2. Chị Trần Thị Thu A2, sinh năm 1994 (con ông A), có mặt.

3. Chị Trần Thị Phương A3, sinh năm 1996 (con ông A), có mặt.

4. Chị Trần Thị Phương A4, sinh năm 1999 (con ông A), có mặt.

5. Chị Trần Thị Hồng A5, sinh năm 2006 (con ông A), vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố KS, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị A2, chị Anh, chị Ngọc: Chị Trần Thị

Phương A3;

Địa chỉ: Tổ dân phố KS, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng; địa chỉ liên hệ: Số 96 ngõ 90 đường TL, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị A3: Luật sư Nguyễn Đại A6, Công ty Luật TNHH F, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

** Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) quận NQ, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê A6, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận NQ, (theo văn bản ủy quyền số 30/GUQ-UBND ngày 26/11/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND phường ĐK và Chủ tịch UBND phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Phi A7, chức vụ: Chủ tịch UBND phường ĐK, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh A8, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường ĐK (theo văn bản ủy quyền số 09/UC-UBND ngày 30/11/2020), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Nguồn gốc đất gia đình ông đang ở do mẹ ông A là cụ Đồng Thị A9 (tức Phạm Thị A9) có nhận mua của bà A10, trong đó có cả phần diện tích ngách 30/213 ĐK, NQ, Hải Phòng với giá 85.000 đồng. Sau đó thửa đất đã được UBND huyện AH cấp giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 101/GCN/QĐ đứng tên Trần Thế A, diện tích đất thổ cư là 365m² (bao gồm cả phần ngách 30/213 ĐK diện tích 67,9m²). Từ đó đến nay, gia đình ông đã sử dụng thửa đất một cách ổn định, lâu dài phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Trong quá trình sử dụng, với mục đích tạo điều kiện cho việc thuận tiện đi lại, gia đình ông đã cho một vài hộ gần đó đi nhờ phần đất là ngách 30/213 ĐK. Nhưng sau một thời gian, một số hộ gia đình lại coi phần đất trên là đường giao thông, tự do đi lại và sử dụng, gây ảnh hưởng đến việc sử dụng mảnh đất của gia đình ông. Đặc biệt, có hai hộ gia đình đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không A báo với gia đình ông và ký giáp ranh. Do đó, ông A đã làm đơn gửi UBND phường ĐK, yêu cầu xác định vị trí đất và làm rõ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ liên quan đến ngõ đi trên đất của gia đình ông.

Ngày 07/01/2019 UBND phường ĐK đã ban hành Công văn số 05/UBND trả lời đơn của ông Trần Thế A với nội dung: Đất của ông Trần Thế A đang quản lý sử dụng mang tên cụ Đồng Thị A9 (là mẹ ông A), thửa đất thể hiện trên sổ mục

kê năm 1986 là thửa 920A, diện tích 272m², loại đất thổ cư. Năm 1999, lập bản đồ địa chính phường đăng ký tại thửa 40+41, tờ bản đồ số 33 ghi chủ sử dụng là UBND phường nhưng thực tế chủ sử dụng là hộ gia đình bà Đồng Thị A9 đã chết (con Trần Thế A đang quản lý sử dụng). Qua kiểm tra thực địa, căn cứ hồ sơ quản lý vị trí đất ngõ đi chung ngách 30/213 ĐK đăng ký tại sổ mục kê năm 1986 là thửa 1269 tờ bản đồ 01 loại đất Đường (đất giao thông). Năm 1999, lập bản đồ địa chính phường tương ứng thửa 6, tờ bản đồ 33 diện tích 64,1m² loại đất giao thông, nên nội dung ông A cho rằng ngõ đi chung vị trí thửa 6, tờ 33 bản đồ địa chính phường năm 1999 là đất thổ cư của gia đình ông A là không có cơ sở.

Không đồng ý với công văn trả lời số 05/UBND ngày 07/01/2019 của UBND phường ĐK, ông Trần Thế A làm đơn khiếu nại lần đầu lên Chủ tịch UBND phường ĐK. Chủ tịch UBND phường ĐK đã ban hành Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 nội dung giữ nguyên Công văn số 05/UBND ngày 07/01/2019 của UBND phường ĐK về việc trả lời công dân.

Không đồng ý với Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND phường ĐK, ông Trần Thế A tiếp tục làm đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND quận NQ. Ngày 17/6/2019, Chủ tịch UBND quận NQ đã ban hành Quyết định 927/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 nội dung công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường ĐK tại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019.

Ông Trần Thế A cho rằng UBND phường ĐK, Chủ tịch UBND phường ĐK và Chủ tịch UBND quận NQ đã không xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, không thừa nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông với phần diện tích đất tại ngách 30/213 ĐK. Bởi lẽ, theo giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 101/GCN/QĐ ngày 16/6/1986, diện tích thửa đất của ông A là 365m². Thực tế diện tích đất hiện nay của gia đình ông A phải cộng thêm phần diện tích đất tại ngách 30/213 ĐK mới tương đương với diện tích đất 365m² được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 101/GCN/QĐ ngày 16/6/1986. Sổ mục kê mà UBND phường đưa ra làm căn cứ xác định về nguồn gốc đất của gia đình nhà ông A không phải được lập năm 1986. Bởi lẽ, sổ mục kê có ghi là “phường ĐK” mà năm 1986 lúc này vẫn là “xã ĐK”. Đầu trang sổ mục kê ghi năm “199...” tức là được lập từ những năm 1990 trở về sau. Tên khai sinh mẹ ông là Phạm Thị A9, đến khoảng năm 1997 bà A9 mới đổi tên thành Đồng Thị A9 nhưng trong sổ mục kê năm 1986 mà UBND phường ĐK cung cấp đã ghi tên mẹ ông là Đồng Thị A9. Như vậy không có cơ sở để xác định sổ mục kê mà UBND phường cung cấp là sổ mục kê được lập năm 1986.

Vì vậy, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Hủy bỏ công văn số 05/UBND ngày 07/01/2019 của UBND phường ĐK về việc trả lời đơn công dân.

- Hủy bỏ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND phường ĐK về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thế A (lần đầu);

- Hủy bỏ Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND quận

Ngô Quyền về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thế A, số 38, tổ 15 cụm 3, ĐK, phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng (lần 2).

Người bị kiện là UBND phường ĐK và Chủ tịch UBND phường ĐK trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1986 mà phường ĐK quản lý thì nguồn gốc thửa đất của ông Trần Thế A đang quản lý sử dụng mang tên cụ Đồng Thị A9 (là mẹ đẻ ông A), thửa đất thể hiện trên sổ mục kê là thửa 920A, diện tích 272m², loại đất thổ cư.

Căn cứ hồ sơ địa chính phường ĐK do Sở địa chính Hải Phòng thẩm định năm 1999: Nguồn gốc thửa đất ông Trần Thế A đang quản lý sử dụng đăng ký tên chủ sử dụng là UBND phường, thực tế chủ sử dụng là hộ gia đình cụ Đồng Thị A9 (đã chết) con trai là Trần Thế A đang quản lý sử dụng được đăng ký tại thửa 40 và 41 tờ bản đồ số 33 và một phần thuộc thửa đất số 9 tờ bản đồ số 33.

Diện tích ngõ đi chung tại ngách 30/213 ĐK: Qua kiểm tra thực địa, căn cứ hồ sơ quản lý vị trí đất ngõ đi chung ngách 30/213 ĐK đăng ký tại sổ mục kê năm 1986 là thửa 1269 tờ bản đồ 01 loại đất Đường (đất giao thông). Năm 1999, lập bản đồ địa chính phường tương ứng thửa 6, tờ bản đồ 33 diện tích 64,1m² loại đất giao thông.

Như vậy, theo các tài liệu về đất đai mà UBND phường ĐK quản lý đều khẳng định diện tích ngách 30/213 ĐK là đất giao thông. Ông Trần Thế A cho rằng diện tích ngách 30/213 là đất thổ cư thuộc quản lý của gia đình ông là không có cơ sở. UBND phường ĐK đã ban hành Công văn số 05/UBND ngày 07/01/2019 trả lời đơn của ông A và Chủ tịch UBND phường ĐK đã ban hành Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND phường ĐK về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thế A (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục và nội dung. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu hủy Công văn và Quyết định nêu trên của ông Trần Thế A.

Giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 101/GCN/QĐ ngày 16/6/1986 mà ông Trần Thế A cung cấp ghi số tờ bản đồ 33, số thửa 31. Tuy nhiên, các tài liệu mà UBND phường quản lý thì thời điểm năm 1986, UBND phường ĐK chỉ có 02 tờ bản đồ số 01 và 02, không có tờ bản đồ số 33. Tờ bản đồ số 01, 02 bản đồ năm 1986 đã thể hiện toàn bộ diện tích, địa giới hành chính phường ĐK. Các tài liệu, sổ sách UBND phường quản lý cũng không thể hiện việc cấp Giấy chứng nhận số 101/GCN/QĐ ngày 16/6/1986 cho ông Trần Thế A.

Sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 1986 UBND phường ĐK quản lý là tài liệu về nguồn gốc đất được bàn giao qua các thời kỳ. UBND phường ĐK căn cứ vào đó để xác định nguồn gốc đất đối với các hộ dân trên địa bàn phường.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND quận NQ trình bày:

Tài liệu ông Trần Thế A cung cấp là giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 101/GCN/QĐ của UBND huyện AH cấp ngày 16/6/1986. Song theo báo cáo số 74/BC-UBND ngày 26/4/2019 của UBND phường ĐK khẳng định

“Qua kiểm tra thực địa và hồ sơ địa chính năm 1986 do UBND huyện AH bàn giao: Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 101/GCN/QĐ do UBND huyện AH cấp ngày 16/6/1986: số tờ bản đồ, số thửa đất và tên chủ sử dụng đất không được thể hiện trên hồ sơ địa chính năm 1986 do UBND phường ĐK quản lý.

Căn cứ vào Hồ sơ địa chính năm 1986 phường ĐK quản lý: Nguồn gốc của thửa đất ông Trần Thế A đang quản lý sử dụng mang tên cụ Đồng Thị A9 (là mẹ ông A), thửa đất thể hiện trên sổ mục kê là thửa 920A, diện tích 272m², loại đất thổ cư.

Căn cứ hồ sơ địa chính phường ĐK do Sở địa chính Hải Phòng thẩm định năm 1999: Nguồn gốc thửa đất ông Trần Thế A đang quản lý sử dụng đăng ký tên chủ sử dụng là UBND phường, thực tế chủ sử dụng là hộ gia đình cụ Đồng Thị A9 (đã chết) con trai là Trần Thế A đang quản lý sử dụng, được đăng ký tại thửa 40 và 41 tờ bản đồ số 33 và một phần thuộc thửa đất số 9 tờ bản đồ số 33.

Về phần diện tích ngõ đi chung tại ngách 30/213 ĐK: Hồ sơ địa chính năm 1986 do UBND huyện AH bàn giao và hồ sơ địa chính phường ĐK năm 1999 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần diện tích ngõ đi tại ngách 30/213 đăng ký tại thửa 6, tờ bản đồ số 33, diện tích 64,1m² là đất giao thông.

Về trình tự giải quyết đơn khiếu nại: Ngày 05/4/2019, UBND quận NQ nhận được đơn khiếu nại của ông Trần Thế A có nội dung khiếu nại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND phường ĐK về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Thế A. Sau khi nhận được đơn, UBND quận đã tiến hành thụ lý theo quy định tại văn bản số 58/PĐX-TCD ngày 05/4/2019. Ngày 02/5/2019, UBND quận NQ ban hành Thông báo số 227/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2, đồng thời ban hành Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Trần Thế A.

Trong thời hạn 45 ngày, ngày 17/6/2019, UBND quận NQ ban hành Quyết định số 927 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thế A. Quá trình giải quyết khiếu nại của ông Trần Thế A đảm bảo đúng theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND quận NQ nhận thấy Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND phường ĐK và Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND quận NQ đảm bảo theo trình tự thủ tục và đúng quy định của pháp luật và không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2021/HC-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 193 Luật TTHC; Điều 4 Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; Điều 17 và Điều 18 Luật Khiếu nại; căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên Xứ:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Trần Thế A về việc:

- Hủy bỏ công văn số 05/UBND ngày 07/01/2019 của UBND phường ĐK về việc trả lời đơn công dân;

- Hủy bỏ quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND phường ĐK về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thế A (lần đầu) và Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Chủ tịch UBND quận NQ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thế A (lần 2);

Ngoài ra bản án còn buộc nghĩa vụ chịu án phí, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2021, phía người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A giữ nguyên nội dung kháng cáo, nhưng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện để hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện.

Các đương sự trình bày:

- Phía người khởi kiện trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Bản án sơ thẩm giải quyết không đúng quy định của pháp luật; không có sổ mục kê năm 1986, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào hồ sơ địa chính và sổ mục kê năm 1986 để giải quyết vụ án là thiếu căn cứ; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các hộ gia đình liền kề với diện tích đất tranh chấp tham gia tố tụng là thiếu sót; không đánh giá đúng lời khai của người làm chứng, dẫn đến giải quyết vụ án thiếu khách quan, trái quy định của pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của phía người khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Chính quyền địa phương xác nhận đây là ngách đi chung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa những người cùng sử dụng ngõ đi này vào tham gia tố tụng là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự; phía người khởi kiện đã đưa ra nhiều chứng cứ để chứng minh ngách đi là của gia đình ông A, như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 101, các văn bản mượn đất của những người mượn đất đi nhờ, văn bản xác nhận của bà Lựt, biên bản họp gia đình của bà A9 (đây là những văn bản được lập trước khi vụ án xảy ra nên khách quan); Bản đồ và sổ mục kê năm 1986 do UBND phường cung cấp là giả mạo, bản án sơ thẩm đã nhận định là sai nhưng vẫn công nhận là trái pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận đơn khởi kiện của phía người khởi kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Trần Thế A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là công văn số 05/UBND ngày 07/01/2019 (sau đây gọi tắt là công văn số 05) của UBND phường ĐK về việc trả lời đơn công dân; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 37) của Chủ tịch UBND phường ĐK về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 927/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 927) ngày 17/6/2019 của Chủ tịch UBND quận NQ về việc giải quyết khiếu nại (lần 2). Đây là những vụ việc thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 17/6/2019 Chủ tịch UBND quận NQ ban hành Quyết định số 927, ngày 16/7/2019, ông A gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là đang trong thời hạn 01 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/5/2022 người khởi kiện là ông Trần Thế A chết, căn cứ Điều 59 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông A vào tham gia tố tụng để kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A. Tại phiên tòa sơ thẩm một số đương sự vắng mặt, nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 168 Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho phía người khởi kiện cho rằng Tòa án

cấp sơ thẩm đã không đưa những người cùng sử dụng chung ngõ đi vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, mặc dù không đưa họ vào tham gia tố tụng, nhưng quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của họ, thấy rằng họ không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên không đưa vào là đúng quy định.

** Về nội dung:*

[3] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện: Theo Sổ mục kê năm 1986 của UBND phường ĐK, nguồn gốc của thửa đất ông Trần Thế A đang quản lý sử dụng mang tên cụ Đồng Thi A9 (cụ A9 là mẹ của ông Trần Thế A), là thửa 920A, diện tích 272m², loại đất thổ cư. Tại tờ bản đồ số 01 và sổ mục kê năm 1986 ngách 30/213 ĐK, phường ĐK thuộc thửa số 1269 là đất giao thông. Theo hồ sơ địa chính phường ĐK do Sở Địa chính Hải Phòng thẩm định năm 1999 (bản đồ giải thửa và sổ mục kê) và biên bản số 01 ngày 02/01/2018 về xác minh nội dung đơn của ông A, thì ông Trần Thế A hiện đang quản lý sử dụng 286,1m² thuộc một phần thửa số 41 (đất nông nghiệp) và một phần thửa số 39 (đất thổ cư), tờ bản đồ số 33; phần diện tích ngõ đi ngách 30/213 ĐK, phường ĐK đăng ký tại thửa 6, tờ bản đồ số 33, diện tích 64,1m², loại đất giao thông. UBND phường ĐK khẳng định chỉ lưu trữ tờ bản đồ số 01 và số 02 (là bản thảo) kèm theo sổ mục kê và thống kê đất đai được in sẵn 199... và hồ sơ địa chính lập năm 1999, nhưng không lưu trữ được tài liệu hồ sơ địa chính nào khác, không có tờ bản đồ số 33 lập từ năm 1986 trở về trước như thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất ông A cung cấp.

Do có sự điều chỉnh địa giới hành chính, tháng 2/1987 địa bàn xã ĐK thuộc huyện AH được tách ra để nhập vào địa bàn quận NQ. Đến năm 2003 huyện AH được tách ra thành huyện An Dương và quận HA, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành thu thập tài liệu hồ sơ địa chính liên quan việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất cho ông A, nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền như Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện An Dương và Phòng TN&MT huyện An Dương; UBND quận HA; UBND quận NQ đều thể hiện không lưu giữ tài liệu nào có thông tin liên quan tới thửa đất số 31 tờ bản đồ số 33, xứ đồng Đội 4, ĐK như trong Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 101/GCN/QĐ ngày 16/6/1986 do UBND huyện AH cấp. Tại đơn xin xác nhận nhà đất ngày 1/7/2016 ông Trần Thế A đề nghị địa phương xác nhận có nhà 90m²/290m² đất là đúng sự thật, đơn này đã được UBND phường ĐK đã xác nhận ông A có nhà đất tại số thửa 920A tờ bản đồ 01, có nguồn gốc do ông cha để lại. Như vậy, cho thấy công tác thiết lập hồ sơ địa chính, quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu của cơ quan hành chính qua các thời kỳ có bất cập, không đầy đủ. Gia đình ông A cho rằng diện tích đất gia đình ông đang sử dụng cộng với diện tích ngõ đi mới đủ diện tích 365m² như thông tin ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 101/GCN/QĐ ngày 16/6/1986 của UBND huyện AH. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất có ghi diện tích, nhưng không ghi rõ ranh giới, kích thước tứ cận nên cũng không có đủ căn cứ để khẳng định phần diện tích đất ngõ đi ngách 30/213 ĐK, phường ĐK thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông A. Ngược lại, theo chính quyền địa phương

cũng như các đương sự công nhận thì diện tích đất này (64,1m²) một số hộ gia đình (thuộc ngách 30/213 ĐK) đã sử dụng làm đường đi chung từ trước đến nay, trong đó một số gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện có tiếp giáp với đất là ngõ đi; việc này phù hợp với sổ mục kê năm 1986, bản đồ địa chính năm 1986, bản đồ giải thửa 299 lập năm 1999. Do đó, Công văn số 05 của UBND phường ĐK khẳng định diện tích 64,1m² là loại đất giao thông, không phải đất thổ cư của gia đình ông A là có căn cứ.

[4] Đối với Quyết định 37 của Chủ tịch UBND phường ĐK, thấy: Do không đồng ý với công văn số 05, ông Trần Thế A có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND phường ĐK, sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND phường Đồng Khê đã thụ lý đơn, tổ chức xác minh theo đúng quy định của pháp luật, căn cứ vào kết quả xác minh thấy việc khiếu nại của ông A không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND phường ĐK đã ban hành Quyết định số 37 giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Thế A là đúng với quy định Điều 9, Điều 27, Điều 28, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại.

[5] Đối với Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND quận NQ, thấy: Căn cứ đơn khiếu nại của ông Trần Thế A ngày 02/5/2019 Chủ tịch UBND quận NQ đã ban hành thông báo số 227/TB-UBND về thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại lần hai của ông Trần Thế A, đồng thời cùng ngày ban hành Quyết định số 670/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại là thực hiện đúng trình tự được quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật khiếu nại; căn cứ kết quả xác minh, đối thoại thấy việc Chủ tịch UBND phường ĐK ban hành Quyết định số 37 là đúng quy định, nên Chủ tịch UBND quận NQ đã ban hành Quyết định số 927 về giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Trần Thế A, xác định việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường ĐK là có căn cứ, nên không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông A là đúng quy định tại Điều 40 Luật khiếu nại.

Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung công văn số 05/UBND ngày 07/01/2019 của UBND phường ĐK về việc trả lời đơn công dân; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND phường ĐK về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Chủ tịch UBND quận NQ về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp đúng về hình thức, nội dung, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành và thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Do vậy, yêu cầu của người khởi kiện không có căn cứ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế A là có căn cứ.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, phía người khởi kiện kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị, bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, ông A đã chết nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

1. Bác kháng cáo của ông Trần Thế A (do vợ và các con của ông A là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng); giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2021/HC-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Ông Trần Thế A (do vợ và các con của ông A là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông A đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0019885 ngày 20/7/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, xác nhận ông A đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THA dân sự thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm